

Bản án số: 533/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14/04/2022
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn
2. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Trang là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 14/4/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1403/2021/TLST-HNGĐ ngày 30/12/2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/03/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương T; địa chỉ: đường T, phường L, Quận A, Thành phố H.

Bị đơn: Ông Nguyễn C; địa chỉ: Đường Đ, Phường B, quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/11/2021, bản tự khai và các biên bản của Tòa án, nguyên đơn trình bày: Bà và ông Nguyễn C tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56, ngày 31/3/2018. Trong thời gian chung sống, ông bà phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân do ông C chỉ lo ăn chơi, không phụ giúp gia đình, không có trách nhiệm với vợ con. Đôi bên đã ly thân từ ngày 01/08/2020. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Nguyễn Ngọc T sinh ngày 03/11/2018. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn trình bày: Ông không thống nhất với phần trình bày của bà Trương T về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Lý do bà T ly hôn không phải do ông không có trách nhiệm với vợ con, chỉ lo ăn chơi như bà T nêu trong đơn khởi kiện mà mâu thuẫn là do cả hai không cùng quan điểm sống, tính tình có nhiều khác biệt và do công việc kinh doanh của ông gặp khó khăn. Mặc dù vẫn còn tình cảm với bà T nhưng nay bà T xin ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Ông đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng nhưng bà T phải đảm bảo cho ông được thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc con.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Ông sẽ tự cấp dưỡng nuôi con theo khả năng của mình. Hiện nay ông đang thất nghiệp, còn nhiều khoản nợ phải trả nên không thể xác định được mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng.

Căn cứ khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3]. Về các yêu cầu của đương sự.

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn Giấy chứng nhận kết hôn số 56, ngày 31/3/2018 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố H cấp cho bà Trương T và ông Nguyễn C thể hiện quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với lý do vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, đời sống chung không hạnh phúc, bị đơn thiếu trách nhiệm với gia đình. Mặc dù không đồng ý với ý kiến của nguyên đơn về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn nhưng bị đơn cũng xác nhận cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đôi bên đã ly thân từ ngày 01/8/2020 đến nay và chấp nhận yêu cầu ly

hôn của nguyên đơn. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là Nguyễn Ngọc T sinh ngày 03/11/2018. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Bà Trương T:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Trương T được ly hôn với ông Nguyễn C.

- Về con chung: Giao cho bà Trương T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ Nguyễn Ngọc T sinh ngày 03/11/2018. Bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, bà Trương T phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0000383 ngày 24/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trương T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND phường B, quận B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh